

Số: 415 /BC-VP

Hà Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý I, phương hướng nhiệm vụ Quý II năm 2023

Thực hiện Công văn số 574/UBND-PVHCC ngày 07/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc xây dựng báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là Văn phòng) báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý I, phương hướng nhiệm vụ Quý II năm 2023, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Hoạt động chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Giang năm 2023, Văn phòng UBND tỉnh đã chủ động xây dựng và ban hành Kế hoạch số 1879/KH-VP ngày 14/12/2022 về cải cách hành chính năm 2023 của Văn phòng; trên cơ sở đó ban hành các Kế hoạch về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của Văn phòng, cụ thể: Kế hoạch số 2012/KH-VP ngày 29/12/2022 tự kiểm tra CCHC năm 2023; Kế hoạch số 2013/KH-VP ngày 29/12/2022 kiểm tra kỷ luật kỷ cương hành chính; Kế hoạch số 2014/KH-VP ngày 29/12/2022 tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 82/KH-VP ngày 13/01/2023 khắc phục những hạn chế về chỉ số CCHC năm 2022 và các văn bản chỉ đạo theo yêu cầu và từng nội dung trong công tác cải cách hành chính.

Tập thể lãnh đạo Văn phòng luôn nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC; lãnh chỉ đạo nghiêm túc việc tiếp thu và xử lý, phúc đáp kịp thời, giải trình theo quy định các phản ánh, kiến nghị, góp ý, yêu cầu từ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp liên quan đến giải quyết các thủ tục hành chính; chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, của Văn phòng; cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh, viết tin, bài, ảnh và chỉ đạo đăng ký sáng kiến tập thể, cá nhân về cải cách hành chính; chỉ đạo làm tốt công tác phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Hà Giang xây dựng phóng sự chuyên đề về công tác giải quyết thủ tục hành chính, văn hoá công sở và thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính ở các phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc Văn phòng.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, siết chặt kỷ cương, kỷ luật, đổi mới về phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nâng cao chất lượng đạo đức

công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đẩy mạnh việc chuyển đổi số và thực hiện chính quyền điện tử; hoàn thành các mục tiêu theo chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao của Văn phòng.

2. Công tác tuyên truyền về CCHC

Tính từ đầu năm 2023 đến thời điểm báo cáo, công tác tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử VP UBND tỉnh, Trang TTĐT Đại biểu nhân dân luôn được chú trọng và cập nhật đầy đủ.

* Cổng Thông tin điện tử tỉnh (hagiang.gov.vn)

Cổng Thông tin điện tử đã thu thập, biên tập và cập nhật 322 tin, bài; 385 ảnh hoạt động. Thường xuyên Cập nhật thông tin các dự án thu hút đầu tư và công khai các chỉ số cạnh tranh PCI. Cập nhật chuyên trang Văn bản điều hành của tỉnh: Cập nhật được 68 văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh; 02 văn bản quy phạm pháp luật và 03 nghị quyết HĐND; chuyên mục Công báo: Cập nhật 03 số công báo trên Cổng TTĐT tỉnh.

Số lượng truy cập 310.970 lượt.

* Trang Thông tin điện tử VP UBND tỉnh (<http://vanphong.hagiang.gov.vn>)

Trong quý I, Trang TTĐT Văn phòng đã Biên tập, đăng tải được 41 tin, bài, trên 120 ảnh hoạt động của Thường trực UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các tổ chức Đảng, đoàn thể của Văn phòng UBND tỉnh.

- Cập nhật 24 văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh; tổ chức Đảng và tổ chức Công đoàn cơ sở Văn phòng UBND tỉnh.

- Số lượng bạn đọc truy cập Trang TTĐT. (Tổng lượt truy cập (lũy kế) đến thời điểm báo cáo: 1.023.023 - 1.014.395=8.628)

* Trang TTĐT Đại biểu ND (HĐND) (<http://dbnd.hagiang.gov.vn>)

Biên tập, đăng tải 106 tin, bài hoạt động Đoàn ĐBQH, HĐND, Văn phòng, hoạt động cơ sở và các hoạt động khác; 07 văn bản của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Đăng tải 04 video kiến nghị, trả lời kiến nghị cử tri; phát hành 01 số Bản tin hoạt động Đại biểu nhân dân tỉnh Hà Giang. Số lượng truy cập là 456.763 lượt.

3. Việc thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao

Trong Quý I/2023, tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 13/3/2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao cho tỉnh 44 nhiệm vụ, trong đó: Nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn 0 nhiệm vụ, đã hoàn nhưng quá hạn 0 nhiệm vụ; chưa hoàn thành đang trong hạn xử lý 39 nhiệm vụ và 05 nhiệm vụ chưa hoàn thành đã quá hạn.

Văn phòng UBND tỉnh được giao nhiệm vụ làm đầu mối tham mưu triển khai các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch giao cho các sở, ngành chuyên môn, UBND các huyện, thành phố. Theo hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ UBND

tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao từ ngày 01/01/2023 đến ngày 13/3/2023 có tổng số 186 nhiệm vụ giao cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố tổ chức, triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, công tác đối ngoại. Trong đó có 82 nhiệm vụ đã hoàn thành; 09 nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành và 95 nhiệm vụ đang trong thời hạn triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Văn phòng đã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 2017/KH-VP ngày 29/12/2022 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023.

- Làm tốt công tác phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Hà Giang ban hành và những văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành.

- Tiến hành rà soát và tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do Văn phòng trình UBND tỉnh ban hành và những văn bản quy phạm pháp luật đang được triển khai thực hiện tại Văn phòng.

- Đã trình UBND tỉnh xem xét ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và biên chế của Văn phòng UBND tỉnh.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2016/KH-VP ngày 29/12/2022 theo dõi, thi hành pháp luật năm 2023 và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc.

Cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng luôn thực hiện và chấp hành nghiêm túc các quy định, quy chế làm việc của UBND tỉnh, quy chế làm việc của Văn phòng UBND tỉnh; thực hiện công tác tham mưu, tổng hợp theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương.

c) Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch số 2015/KH-VP ngày 29/12/2023 tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2023; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 158/KH-VP ngày 24/8/2021 của Văn phòng UBND tỉnh, về việc triển khai công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống đối với cán bộ, đảng viên giai đoạn 2021-2025; phổ biến, quán triệt kịp thời và cập nhật đầy đủ các văn bản mới ban hành của Trung ương và của tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 220/KH-VP ngày 15/02/2023 thực hiện Quy chế dân chủ. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc

thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức, văn hoá công vụ, việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức. Trong quý 100% đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính của tỉnh do Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và trả kết quả (có báo cáo thủ tục hành chính riêng).

Đối với Văn phòng UBND tỉnh thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”: 100%.

- Số lượng dịch vụ công trực tuyến một phần: 1
- Số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 2
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình/tổng số dịch vụ công cung cấp: 100%
- Tỷ lệ giải quyết TTHC đúng hạn: 100%. Tỷ lệ giải quyết quá hạn: 0%.

3. Cải cách bộ máy hành chính

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án số 150/ĐA-VPUBND ngày 12/8/2021 Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh, đến nay bộ máy tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh ổn định hoạt động có hiệu quả (gồm 09 phòng, ban, đơn vị: 05 phòng ban chuyên môn, 02 tổ chức hành chính đặc thù và 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc).

b) Về cơ cấu lãnh đạo cấp phòng: Hiện Văn phòng tiếp tục quá trình tổ chức, sắp xếp cơ cấu lãnh đạo theo quy định tại Đề án 29/ĐA-UBND và Đề án 150/ĐA-VPUBND.

c) Tình hình sử dụng biên chế được giao: Năm 2023, Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục sử dụng biên chế trên cơ sở tổng biên chế được giao năm 2022 là 101 biên chế (công chức: 57; viên chức: 30; HĐ theo Nghị định 68: 14).

Trong Quý I năm 2023, Văn phòng UBND tỉnh đã làm thủ tục tiếp nhận 02 công chức từ Sở Tư pháp và Sở Y tế chuyển đến; chuyển 01 viên chức thành công chức để bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo cấp phòng trực thuộc Trung tâm Phục vụ Hành chính; tiếp nhận 01 viên chức và thực hiện quy trình sát hạch để trở thành công chức đối với 01 trường hợp từ Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến; tiếp nhận 01 HĐLĐ 68 từ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch về công tác tại Văn phòng. Làm thủ tục chuyển công tác đối với 01 viên chức và 01 HĐLĐ 68. Số người hiện có ước tính đến ngày 10/3/2023 là: 90/101 người (trong đó công chức: 52; viên chức: 25; HĐLĐ 68: 13). Đang làm thủ tục để tiếp nhận vào làm HĐLĐ 68 đối với 01 trường hợp.

d) Về thực hiện phân cấp quản lý: Văn phòng UBND tỉnh tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo các quy định phân cấp (Luật, các văn bản dưới luật của Trung ương, tỉnh) của ngành, lĩnh vực tham mưu. Chủ động tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành báo cáo tình hình thực hiện phân cấp, tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Trung ương theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) *Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:*

Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục thực hiện theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Hà Giang, Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 phê duyệt vị trí việc làm viên chức của Văn phòng UBND tỉnh.

b) *Kết quả tuyển dụng công chức, viên chức:* Tuyển dụng 01 công chức (bằng hình thức sát hạch viên chức để vào làm công chức theo Quyết định 2487/QĐ-UBND công nhận kết quả kiểm tra sát hạch để vào làm công chức cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Hà Giang năm 2022). Thực hiện quy trình xét chuyển 01 viên chức thành công chức để bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng thuộc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

c) *Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:*

Văn phòng đã phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 đồng chí Trưởng phòng Nội chính - Pháp chế giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh; tiếp nhận 01 viên chức từ Trung tâm Thông tin - Công báo để chuyển công chức và bổ nhiệm giữ chức Trưởng phòng Tổng hợp, Trung tâm PVHCC trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

d) *Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo quản lý:* Văn phòng UBND tỉnh có 02 trường hợp được công nhận xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III.

đ) *Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC:*

Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 2013/KH-VP kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính 2023. Toàn thể công chức, viên chức, người lao động Văn phòng UBND tỉnh luôn có tư tưởng chính trị vững vàng; có nhận thức đúng đắn, giữ vững lập trường, quan điểm. Chấp hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ chính trị được giao, tham gia học tập, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Có tinh thần tự giác, tự học tập nâng cao trình độ kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, năng lực công tác và kỹ năng giao tiếp.

Thực hiện lối sống lành mạnh, trung thực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực, có tinh thần đoàn kết không chia rẽ nội bộ, ý thức rèn

luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, tích cực đấu tranh phòng, chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cá nhân.

Thực hiện đầy đủ các nội quy, quy chế của tổ chức Đảng và của cơ quan, đơn vị đề ra, chấp hành nghiêm sự điều động, phân công công tác của tổ chức, ý thức trách nhiệm cao trong công việc.

Trong giao tiếp ứng xử luôn có văn hoá, tôn trọng đồng nghiệp, có thái độ lịch sự, nhã nhặn với nhân dân. Chấp hành tốt quy định về thời giờ, trang phục, việc đeo thẻ công chức... Hàng tháng Văn phòng chấp hành nghiêm công tác báo cáo kết quả thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo đúng quy định tại Chỉ thị số 623/CT-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Hà Giang, về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đổi mới tác phong, lề lối làm việc, nâng cao chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

g) Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Văn phòng luôn quan tâm, thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị, đã chủ động đăng ký với Sở Nội vụ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023 tại Công văn số 1383/VP-HCTC ngày 11/10/2022, từ đó căn cứ theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của tỉnh để cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo theo quy định.

h) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại cơ quan: Không có

i) Công tác cập nhật thông tin CBCCVN trên phần mềm quản lý hồ sơ:

Văn phòng thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức vào hồ sơ lưu và trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thống kê, tổng hợp báo cáo theo quy định.

k) Kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức: Không có.

5. Cải cách tài chính công

a) Văn phòng đã có Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ ngày 10/2/2023 và tiếp tục thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2015 của Chính phủ; Trung tâm Thông tin - Công báo, Nhà khách UBND tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; tiếp tục thực hiện Quyết định số 01/QC-VP ngày 02/01/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế chi tiêu, quản lý và sử dụng tài sản công của Văn phòng UBND tỉnh.

b) Việc thu, chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định hiện hành

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách: Trong Quý I/2023 Văn phòng chưa tổ chức đoàn kiểm tra, thanh tra nào.

- Chủ động thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.

6. Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 2007/KH-VP ngày 28/12/2023 thực hiện chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin của Văn phòng UBND tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 2008/KH-VP ngày 28/02/2023 Ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng trong hoạt động cơ quan Văn phòng UBND tỉnh năm 2023, Văn phòng tiếp tục chủ động phối hợp với Sở Thông tin - Truyền thông tổ chức ứng dụng chữ ký số, quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hòm thư điện tử công vụ...

Thường xuyên quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn như: Máy chủ, hệ thống máy tính, hệ thống tăng âm loa đài, hệ thống trung tâm điều hành thông minh phục vụ các cuộc họp hội nghị linh hoạt, phù hợp các hình thức làm việc (trực tiếp hoặc trực tuyến).

Lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thường xuyên đôn đốc công chức, viên chức chuyên môn tăng cường sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết, trao đổi công việc, đến nay 100% công chức, viên chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; đảm bảo quy trình tiếp nhận, xử lý, thẩm định, trình ký và ban hành văn bản trên hệ thống Vnptioffice, tăng cường thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc niêm yết danh mục thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại cơ quan Văn phòng.

Thực hiện tốt việc cập nhật lên Trang thông tin điện tử Văn phòng, Cổng thông tin điện tử của tỉnh về các văn bản, kế hoạch, các hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Thường trực UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính của tỉnh và của Văn phòng; kết nối Cổng thông tin điện tử của Chính phủ; của các Bộ, Ngành Trung ương và của tỉnh đảm bảo việc cập nhật cơ sở dữ liệu, kết nối thông tin, truyền tải nội dung văn bản đáp ứng yêu cầu công tác. Duy trì có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, hệ thống theo dõi báo cáo với Văn phòng Chính phủ; xây dựng quy trình thực hiện thủ tục hành chính liên thông; phần mềm nhắc việc của Văn phòng Chính phủ.

(Có các phụ lục từ 01-07 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Văn phòng UBND tỉnh đã bám sát các văn bản của UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao chất lượng tham mưu, tổng hợp, xây dựng

và ban hành các chương trình, kế hoạch giúp Thường trực UBND tỉnh lãnh, chỉ đạo và triển khai công tác cải cách hành chính một cách đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả trong thực thi công vụ trên địa bàn toàn tỉnh

Việc giải quyết các thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công ngày càng chất lượng và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phục vụ, đón tiếp, hướng dẫn và tư vấn cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đến giao dịch thực hiện thủ tục hành chính trên các lĩnh vực, thực hiện tốt việc giám sát tiến độ tiếp nhận, giải quyết và kiểm soát trả kết quả thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành trên hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến đúng thời gian quy định.

2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, vẫn còn việc sử dụng chữ ký số trong phát hành văn bản điện tử chưa đạt ở mức cao nhất.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ II

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung trong kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của Văn phòng. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án số 56/ĐA-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công vụ tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2026.

2. Cải cách thể chế

Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tổng hợp, tham mưu cho Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành các hoạt động chung của bộ máy hành chính ở địa phương, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ của tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

3. Cải cách thủ tục hành chính

Thường xuyên sâu sát, kiểm soát việc thực hiện quy chế giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông tại Văn phòng, kiểm tra, đôn đốc việc hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc trên VNPT-Ioffice; đồng thời triển khai việc tiếp nhận, gửi văn bản điện tử qua trực kết nối liên thông các hệ thống quản lý văn bản điều hành giữa các cơ quan hành chính Nhà nước; tiếp tục tích hợp và đồng bộ hoá các thủ tục hành chính từ Cổng dịch vụ công cấp tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia.

4. Về tổ chức bộ máy hành chính

Tiếp tục tổ chức hoạt động có hiệu quả Đề án 29/ĐA-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh kiện toàn, sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của

Chính phủ; Triển khai sắp xếp, tổ chức lại 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo hướng tinh gọn tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Cải cách chế độ công vụ

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống đối với cán bộ, đảng viên, giai đoạn 2021-2025, quan tâm, tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, nâng cao trình độ và năng lực thi hành công vụ. Thực hiện tốt các quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cơ quan như: Nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, thi đua khen thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội.

6. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát đánh giá thực trạng tài sản để sửa chữa nâng cao giá trị và thời gian sử dụng, hạn chế việc mua sắm phương tiện làm việc.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong quy trình xử lý công việc giữa Lãnh đạo Văn phòng với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và trong giao dịch với các tổ chức, cá nhân có liên quan góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý, đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời thông qua môi trường mạng.

Quán triệt thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của tỉnh về thống nhất sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động hành chính; thực hiện phần mềm quản lý văn bản liên thông giữa các cơ quan, đơn vị; thẩm định, trình ký và ban hành văn bản đảm bảo đúng quy trình trên hệ thống VnptiOffice và hệ thống dịch vụ công. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc niêm yết danh mục thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính Quý I, phương hướng nhiệm vụ Quý II năm 2023, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trưởng các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, HCTC (Toàn, Phương).



Lại Thị Hương

Phụ lục 1**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày /3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)*

ST T	Chỉ tiêu	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	Kế hoạch số 1879/KH-VP ngày 14/12/2022 về cải cách hành chính năm 2023 của Văn phòng; trên cơ sở đó ban hành các Kế hoạch: + Kế hoạch số 2012/KH-VP ngày 29/12/2022 tự kiểm tra CCHC năm 2023; + Kế hoạch số 2013/KH-VP ngày 29/12/2022 kiểm tra kỷ luật kỷ cương hành chính; + Kế hoạch số 2014/KH-VP ngày 29/12/2022 tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; + Kế hoạch số 2015/KH-VP ngày 29/12/2022 tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2023; + Kế hoạch số 2016/KH-VP ngày 29/12/2022 theo dõi, thi hành pháp luật năm 2023; + Kế hoạch số 2017/KH-VP ngày 29/12/2022 kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; + Kế hoạch số 2007/KH-VP ngày 28/12/2023 thực hiện chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin của Văn phòng UBND tỉnh năm 2023; + Kế hoạch số 2008/KH-VP ngày 28/02/2023 Ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng trong hoạt động cơ quan Văn phòng UBND tỉnh năm 2023 + Kế hoạch số 82/KH-VP ngày 13/01/2023 khắc phục những hạn chế về chỉ số CCHC năm 2022 ;	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	100%	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	12	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	10	
3	Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC	Cơ quan, đơn vị		
3.1	Số phòng chuyên môn được kiểm tra	Đơn vị	9 phòng ban, đơn vị	
3.2	Số xã đã được kiểm tra	Đơn vị		
4	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
4.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	

ST T	Chỉ tiêu	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	
4.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
5	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy			
5.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Đơn vị		
5.2	Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	Đơn vị		
6	Tuyên truyền CCHC			
6.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC	Cuộc	0	
6.2	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh, huyện (nếu có)	Số tin	0	
6.3	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC (nếu có)	Lượt người /lớp	0	
6.4	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Trang/Cổng TTĐT của cơ quan, đơn vị	Chuyên mục	1	
6.5	Trên báo Hà Giang	Số tin/số báo	0	
6.6	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).		Lồng ghép trong cuộc họp sơ kết, tổng kết công tác năm	
7	Thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch UBND và UBND tỉnh giao			
7.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	186	Số liệu Văn phòng tham mưu các đơn vị thực hiện (số liệu từ 01/1/2023 đến 13/3/2023)
7.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	82	
7.3	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	9	
7.4	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng đang trong thời hạn	Nhiệm vụ	95	
8	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			

ST T	Chỉ tiêu	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	
8.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	44	Số liệu toàn tỉnh (01/01/2023 đến hết 13/3/2022)
8.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
8.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
8.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	5	
8.5	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng đang trong thời hạn	Nhiệm vụ	39	
9	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC cấp xã	Có hoặc không		
10	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức (nếu có)			
10.1	Số lượng phiếu đã khảo sát	Số lượng		
10.2	Hình thức khảo sát	Thực tuyến = 0 Phát phiếu = 1		
11	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp và CBCCVN	Không = 0 Có = 1	1	

Ghi chú:

Các sở, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố báo thống kê số liệu từ mục 1 đến 4 và mục 6, 7, 11, ngoài ra, Sở Nội vụ báo cáo thêm mục 5 (toàn tỉnh); Văn phòng UBND tỉnh báo cáo thêm mục 8 (toàn tỉnh); UBND các huyện, thành phố báo cáo thêm mục 9, 10

Phụ lục 2**Thông kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày /3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Kết quả		Ghi chú
			Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành				
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Văn bản	0	
		Quyết định của UBND cấp tỉnh	Văn bản	0	
		Nghị quyết của HĐND cấp huyện	Văn bản		
		Quyết định của UBND cấp huyện	Văn bản		
		Nghị quyết của HĐND cấp xã	Văn bản		
		Quyết định của UBND cấp xã	Văn bản		
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL				
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh		Văn bản	0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra		%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra		Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong		Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL				
3.1	Số VBQPPL đã rà soát theo thẩm quyền của cấp tỉnh		Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát		%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát		Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong		Văn bản	0	

Phụ lục 3**Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày /3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	
1	Thông kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	1100	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	30	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1	Số lượng TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		Không bao gồm TTHC của cơ quan ngành dọc
1.4.2	Số lượng TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		Không bao gồm TTHC của cơ quan ngành dọc
1.4.3	Số lượng TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		Không bao gồm TTHC của cơ quan ngành dọc
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC			
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	số lượng	0	
3.4.2	Số lượng PAKN đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo	số lượng	0	

Phụ lục 4**Thống kê và so sánh số lượng tổ chức, biên chế cơ quan, đơn vị**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày /3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

ST T	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	Ghi chú
I	Về sắp xếp tổ chức bộ máy			
1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	100%	1	
2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
II	Tình hình thực hiện về biên chế công chức			
1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Chỉ tiêu	57	
2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	52	
3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	13	
4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10%	
III	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
1	Tổng số người làm việc được giao	Chỉ tiêu	30	
2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	25	

ST T	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	Ghi chú
3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10%	

Phụ lục 5**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách chế độ công vụ**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày /3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thống kê số liệu của kỳ báo cáo	Ghi chú
I	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
II	Về tuyển dụng công chức, viên chức			
1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	2	
1.1	Thi tuyển	Người	1	
1.2	xét tuyển	Người	1	
2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
4.1	Thi tuyển	Người	0	
4.2	xét tuyển	Người	0	
5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
III	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
1	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo trực thuộc qua thi tuyển	Người	0	
2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới; điều động và bổ nhiệm, tiếp nhận và bổ nhiệm; điều động	Người	1	
3	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm lại	Người	0	
4	Số lãnh đạo cấp phòng, lãnh đạo cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc sở, ngành và tương đương được bổ nhiệm mới; điều động và bổ nhiệm, tiếp nhận và bổ nhiệm	Người	0	
5	Số lãnh đạo cấp phòng, lãnh đạo cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc sở, ngành và tương đương được được bổ nhiệm lại	Người	0	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thống kê số liệu của kỳ báo cáo	Ghi chú
6	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
7	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm lại	Người		
IV	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).	Người		
2	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
3	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5	Số CBCCVC không giữ chức danh lãnh đạo thuộc sở, ngành, UBND huyện bị xử lý kỷ luật	Người	0	
6	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
7	Số CBCC cấp xã bị kỷ luật	Người		

Phụ lục 6**Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày /3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu của kỳ báo cáo	Ghi chú
I	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1	Kế hoạch được giao Triệu đồng	Triệu đồng		
2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
II	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		2	
1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	2	
2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Cơ quan, đơn vị		
3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị		
4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị		
4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị		
4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị		
4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị		
5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Cơ quan, đơn vị	2	
6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		

Phụ lục 7**Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực: Xây dựng và phát triển
Chính quyền điện tử, Chính quyền số***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày /3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện kỳ báo cáo	Ghi chú	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0		Sở Thông tin và Truyền thông;	
		Hoàn thành = 1			
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến	Chưa có = 0			
	<i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i>	2 cấp = 1			
	<i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	3 cấp = 2			
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%			
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2			
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử				
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã				
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%			
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%			
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%			
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%			
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%			
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%			
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%			
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh				
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%			
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%			
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%			
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện kỳ báo cáo	Ghi chú
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
6.1.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	1	
6.1.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	1	
6.1.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	1	
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	2	
6.2.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	2	
6.2.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	2	
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	0	
6.3.1	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	3	
6.3.2	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	0	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	100	
6.4.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	4	
6.4.2	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	4	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
6.5.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	0	
6.5.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	0	
7	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có bản Công bố ISO	cơ quan, đơn vị		